

Bản án số: 33/2024/DSST
Ngày 12-8-2024
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Văn Động**

2. Ông **Ngô rô Be**

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Thiên Ân – Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Trần Đức Tuyên – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2024/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2024/QĐST-DS, ngày 25/7/2024, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh **Lê Ngọc C** – sinh năm 1977

Địa chỉ: **Tổ F, ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.**

(Có mặt tại phiên tòa)

* Bị đơn: Anh **Phạm Hồng T** – sinh năm 1975

Chị **Đinh Thị Thùy Q** – sinh năm 1980

Cùng địa chỉ: **ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.**

(anh **T** vắng mặt có đơn xin vắng mặt, chị **Q** có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, anh **Lê Ngọc C** trình bày:

Nguyên vào ngày 3/8/2023 tôi và vợ chồng anh **T**, chị **Q** mượn số tiền là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) với lãi suất là 2%/tháng (1.000.000đ/tháng là 20.000đ), 3 tháng đóng lãi 1 lần, thời hạn vay bên không thỏa thuận ngày trả, nếu như cần thì báo trước cho anh **T**, chị **Q** trước 20 ngày thì anh **T**, chị **Q** sẽ trả số tiền

đã mượn, hai bên có làm biên nhận mượn tiền, mục đích mượn tiền là để vợ chồng anh T, chị Q chăn nuôi heo. Từ khi mượn đến nay thì vợ chồng anh T, chị Q đã đóng lãi cho anh C được một lần vào ngày 7/11/2023 với số tiền là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) và từ đó cho đến nay thì vợ chồng anh T, chị Q không trả cho anh C tiền lãi cũng như tiền gốc như đã thỏa thuận trong biên nhận mượn tiền. Anh C có qua đòi nhiều lần nhưng anh T, chị Q cứ hẹn lần này đến lần khác không chịu trả số tiền trên cho anh C.

Tại phiên tòa anh C yêu cầu buộc vợ chồng anh Phạm Hồng T, chị Đinh Thị Thùy Q trả cho anh C số tiền gốc là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi nữa mà chỉ lấy 20.000.000đ mà anh T, chị Q đã đóng cho anh.

** Theo bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, bị đơn chị Đinh Thị Thùy Q trình bày:* chị Q thống nhất với lời trình bày của anh Lê Ngọc C với ngày tháng mượn tiền và chị Q có ghi biên nhận cho anh Lê Ngọc C với số tiền là 300.000.000đ và tiền lãi đã đóng 20.000.000đ.

Tại phiên tòa chị Q đồng ý trả cho anh C số tiền gốc là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) nhưng chị Q yêu cầu trả dần mỗi năm trả cho anh C số tiền là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) cho đến khi dứt nợ.

** Theo biên bản lấy lời khai ngày 23/4/2024 bị đơn anh Phạm Hồng T trình bày:* anh T thừa nhận vợ chồng anh có mượn của anh C số tiền 300.000.000đ vào ngày 03/8/2023, khi vay hai bên có làm một biên nhận nợ và anh T có ký tên trong biên nhận nợ. Nay anh đồng ý trả cho anh C số tiền 300.000.000đ còn thời gian trả thì để anh bàn với chị Q.

** Phát biểu của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát Nhân dân huyện Tân Hiệp tham gia phiên tòa:*

- Ý kiến của Viện Kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử được thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của Viện Kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

+ Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Ngọc C.

+ Buộc anh Phạm Hồng T, chị Đinh Thị Thùy Q phải trả cho anh Lê Ngọc C số tiền gốc là 300.000.000đ

+ Về án phí: buộc anh Phạm Hồng T, chị Đinh Thị Thùy Q phải nộp án phí là 300.000.000đ x 5% = 15.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Quan hệ pháp luật tranh chấp xảy ra giữa anh **Lê Ngọc C** và chị **Đinh Thị Thùy Q**, anh **Phạm Hồng T** là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- **Về thủ tục tố tụng:** Yêu cầu khởi kiện của anh **Lê Ngọc C** được quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp.

- **Về nội dung tranh chấp:**

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu anh **T**, chị **Q** trả số tiền 300.000.000đ: Xét thấy khi vay tiền các bên đều làm biên nhận trong đó thể hiện chị **Q**, anh **T** có vay của anh **C** số tiền vốn gốc là 300.000.000đ, ngoài ra chị **Q**, anh **T** thừa nhận là chữ ký trong biên nhận là chữ ký của chị **Q**, anh **T** đồng thời chị **Q**, anh **T** cũng thừa nhận hiện còn nợ anh **C** số tiền vốn gốc là 300.000.000đ và các bên không thỏa thuận thời hạn trả. Xét thấy theo khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự có quy định: “Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào, nhưng bên cho vay phải báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý và được trả lãi đến thời điểm nhận lại tài sản.....”. Do đó anh **C** yêu cầu chị **Q**, anh **T** trả cho anh **C** số tiền vốn gốc là 300.000.000đ là phù hợp với quy định pháp luật.

[2] Xét yêu cầu của chị **Q** xin trả dần mỗi năm 20.000.000đ cho đến khi dứt nợ nhưng anh **C** không đồng ý do đó yêu cầu của chị **Q** là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Về lãi suất: anh **C** không yêu cầu chị **Q**, anh **T** tiếp tục trả lãi nữa trả lãi do đó hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Căn cứ vào Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự, Điều 463, Điều 468, 469 Bộ luật Dân sự quy định về vay tài sản, nghĩa vụ trả nợ của bên vay,

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh **Lê Ngọc C**

- **Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:** Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/016UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của anh **Lê Ngọc C** được chấp nhận nên anh **C** không phải chịu án phí.

Buộc chị **Đinh Thị Thùy Q**, anh **Phạm Hồng T** phải nộp án phí là 300.000.000đ x 5% = 15.000.000đ

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 147, Điều 175, Điều 177 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 463, Điều 468, Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 9 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh **Lê Ngọc C** về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản đối với chị **Đinh Thị Thùy Q** và anh **Phạm Hồng T**.

2. Buộc chị **Đinh Thị Thùy Q** và anh **Phạm Hồng T** phải trả cho anh **Lê Ngọc C** số tiền gốc là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng)

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. *Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:* Buộc chị **Đinh Thị Thùy Q** và anh **Phạm Hồng T** phải nộp án phí là 15.000.000đ

Trả lại tiền tạm ứng án phí cho anh **Lê Ngọc C** số tiền là 7.500.000đ theo biên lai thu số 0008306 ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh **Phạm Hồng T** có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Đạo

